

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Thế Hường	Chủ tịch
Ông Phan Tử Giang	Thành viên
Ông Hoàng Huy Hà	Thành viên
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phan Tử Giang	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lưu Tâm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 9 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *M*



Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2014

Số: 278 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2014, từ trang 3 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty Deloitte Việt Nam
Ngày 03 tháng 3 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Đặng Thị Lợi
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1529-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**MẪU SỐ B 01-DN**
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		928.561.331.650	570.955.909.451
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	766.437.653.703	236.580.775.891
1. Tiền	111		416.437.653.703	206.580.775.891
2. Các khoản tương đương tiền	112		350.000.000.000	30.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		131.503.276.742	311.325.903.109
1. Phải thu khách hàng	131	6	65.774.695.500	304.985.235.158
2. Trả trước cho người bán	132		10.492.477.918	215.765.500
3. Các khoản phải thu khác	135	7	55.236.103.324	6.124.902.451
III. Hàng tồn kho	140		22.083.725.267	22.157.903.423
1. Hàng tồn kho	141	8	22.083.725.267	22.157.903.423
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.536.675.938	891.327.028
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.130.564.692	23.415.702
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		178.123.270	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.227.987.976	867.911.326
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+260)	200		950.537.151.063	1.103.367.872.498
I. Tài sản cố định	220		801.339.444.069	964.030.549.881
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	791.955.282.495	922.739.214.149
- Nguyên giá	222		1.244.096.834.951	1.242.808.909.788
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(452.141.552.456)	(320.069.695.639)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	5.692.882.799	17.246.770.623
- Nguyên giá	228		35.269.773.145	35.269.773.145
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.576.890.346)	(18.023.002.522)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	3.691.278.775	24.044.565.109
II. Tài sản dài hạn khác	260		149.197.706.994	139.337.322.617
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	140.920.546.912	138.986.027.813
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	8.277.160.082	351.294.804
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.879.098.482.713	1.674.323.781.949

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.470.877.287.628	1.021.174.681.727
I. Nợ ngắn hạn	310		811.228.838.531	196.614.232.630
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	164.912.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		83.715.817.781	75.020.502.242
3. Người mua trả tiền trước	313	14	491.829.894.134	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	381.942.127	8.292.546.390
5. Phải trả người lao động	315		7.822.477.309	16.937.982.999
6. Chi phí phải trả	316	16	32.259.449.224	77.820.183.756
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	26.870.198.360	15.905.698.005
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.437.059.596	2.637.319.238
II. Nợ dài hạn	330		659.648.449.097	824.560.449.097
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	659.648.449.097	824.560.449.097
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		408.221.195.085	653.149.100.222
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	401.578.584.390	641.357.496.101
1. Vốn điều lệ	411		594.897.870.000	594.897.870.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.597.721.463	2.597.721.463
3. (Lỗ lũy kế)/lợi nhuận chưa phân phối	420		(195.917.007.073)	43.861.904.638
II. Nguồn kinh phí sự nghiệp	430		6.642.610.695	11.791.604.121
1. Nguồn kinh phí sự nghiệp	432		-	(3.728.020.655)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		6.642.610.695	15.519.624.776
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.879.098.482.713	1.674.323.781.949

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

31/12/2013

31/12/2012

1. Ngoại tệ các loại

Đô la Mỹ


Đồng Euro


5.874.764,96

2.010.522,77

7.486,92

-


 Nguyễn Phương Hương
 Người lập biểu


 Nguyễn Văn Quang
 Kế toán trưởng


Phan Tử Giang

Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	21	265.633.986.095	833.377.741.760
2. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		265.633.986.095	833.377.741.760
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	22	252.562.243.984	672.375.626.156
4. Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.071.742.111	161.002.115.604
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	17.909.077.645	10.615.799.139
6. Chi phí tài chính	22	25	79.180.517.640	115.078.631.810
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		75.468.583.598	96.095.127.190
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		31.326.745.847	34.898.683.087
8. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		(79.526.443.731)	21.640.599.846
9. Thu nhập khác	31		1.783.580.202	7.899.420.919
10. Chi phí khác	32		128.656.046.107	209.830.365
11. (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40	26	(126.872.465.905)	7.689.590.554
12. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		(206.398.909.636)	29.330.190.400
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	10.662.149.275	7.210.870.739
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	(7.925.865.278)	(351.294.804)
15. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		(209.135.193.633)	22.470.614.465
16. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(3.515)	378



Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu



Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng



Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lãi)/lợi nhuận trước thuế	01	(206.398.909.636)	29.330.190.400
2. Điều chỉnh cho các khoản:		-	-
Khấu hao tài sản cố định	02	145.702.649.391	148.070.296.109
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(4.174.223.336)	3.286.282.849
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.385.952.245)	(9.202.543.131)
Chi phí lãi vay	06	75.468.583.598	96.095.127.190
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.212.147.772	267.579.353.417
Biến động các khoản phải thu	09	180.777.174.637	220.189.778.910
Biến động hàng tồn kho	10	74.178.156	119.398.387.448
Biến động các khoản phải trả	11	492.271.964.929	(540.686.192.849)
Biến động chi phí trả trước	12	1.129.916.699	10.038.356.019
Tiền lãi vay đã trả	13	(118.973.785.362)	(29.528.124.670)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(17.140.796.863)	(732.223.151)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.728.000.000	13.833.750.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.745.232.055)	(5.601.617.732)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	542.333.567.913	54.491.467.392
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(2.312.183.190)	(24.273.272.001)
2. Thu lãi tiền gửi	27	12.054.659.654	9.202.543.131
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.742.476.464	(15.070.728.870)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	40.310.452.065	283.419.567.575
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(40.310.452.065)	(351.507.083.852)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(21.932.208.684)	(27.609.406.216)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.932.208.684)	(95.696.922.493)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	530.143.835.693	(56.276.183.971)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	236.580.775.891	292.876.907.512
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(286.957.881)	(19.947.650)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	766.437.653.703	236.580.775.891

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm khoản tiền 21.846.129.500 đồng (năm 2012: 14.033.444.684 đồng) là số cổ tức đã công bố chia nhưng chưa thanh toán và tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm khoản tiền 23.061.800.756 đồng (năm 2012: 66.567.002.520 đồng) là chi phí lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.

Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu

Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng

Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 ngày 09 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 725 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 740 nhân viên).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 15
Phương tiện vận tải	2 - 6
Tài sản hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	2 - 3
Tài sản khác	3

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm vi tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì giá mua sẽ được vốn hóa và hạch toán như tài sản vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 47 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị san lấp mặt bằng và công cụ dụng cụ được chuyển từ tài sản cố định hữu hình sang theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do có nguyên giá dưới 30 triệu đồng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 năm đến 6 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	6.927.001.142	1.877.988.889
Tiền gửi ngân hàng	409.510.652.561	204.702.787.002
Các khoản tương đương tiền	350.000.000.000	30.000.000.000
	<u><u>766.437.653.703</u></u>	<u><u>236.580.775.891</u></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ 1 tháng đến 2 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước với lãi suất từ 5,8% /năm đến 6,2% /năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ban Quản Lý Dự Án Đóng Mới Giàn Khoan (Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)	-	303.119.858.350
Công ty Cổ phần Hàng hải Semco Việt Nam	39.898.247.751	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC	16.407.583.214	-
Khách hàng khác	9.468.864.535	1.865.376.808
	<u><u>65.774.695.500</u></u>	<u><u>304.985.235.158</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)-Chi nhánh Vũng Tàu	49.753.235.033	666.514.457
Phải thu khác	5.482.868.291	5.458.387.994
	<u><u>55.236.103.324</u></u>	<u><u>6.124.902.451</u></u>

Khoản phải thu Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) - Chi nhánh Vũng Tàu chủ yếu liên quan đến các chi phí thực tế mà Công ty đã chi ra cho việc sửa chữa tài sản cố định là cầu bánh xích DEMAG CC6800. Công ty sẽ thu hồi lại khoản chi này từ PVI theo giấy chứng nhận bảo hiểm số 12/16/01/XDLD/PC00057 với số tiền bảo hiểm cho tài sản này tối đa là 230.968.860.174 đồng, bằng với nguyên giá của tài sản được bảo hiểm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty và PVI chưa thống nhất số tiền bồi thường bảo hiểm. Tuy nhiên, theo hợp đồng bảo hiểm, số tiền bảo hiểm sẽ được khấu trừ mức miễn trừ được quy định trong giấy chứng nhận bảo hiểm (5%). Ngoài ra, PVI sẽ chỉ bồi thường sau khi chấp nhận việc xuất trình các hóa đơn và chứng từ cần thiết chứng minh rằng việc sửa chữa đã được thực hiện, tùy theo từng trường hợp cụ thể. Chi phí ước tính cho việc sửa chữa cầu khoảng 134 tỷ đồng, bao gồm các chi phí giám định tổn thất, chi phí vận chuyển ra nước ngoài sửa chữa, các chi phí nhân công và nguyên vật liệu, trong đó chi phí sửa chữa chính tại nhà máy sản xuất cầu ở nước ngoài là 2.691.761,29 đồng Euro, tương đương 73 tỷ đồng. Trong năm, Công ty đã nhận được một phần giá trị khoản bồi thường bảo hiểm từ PVI với số tiền 42 tỷ đồng. Số dư phải thu từ PVI tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc sửa chữa cầu nhưng chưa được xác nhận bồi thường. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng số tiền này sẽ được thu hồi trên cơ sở các điều khoản bồi thường của hợp đồng bảo hiểm tài sản.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	16.220.424.565	15.933.020.154
Công cụ và dụng cụ	5.291.045.287	6.224.883.269
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	572.255.415	-
	<u><u>22.083.725.267</u></u>	<u><u>22.157.903.423</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thảng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt NamBảo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2013	720.460.144.608	113.872.787.991	378.074.419.994	13.811.525.815	3.850.699.617	12.739.331.763	1.242.808.909.788
Tăng trong năm	-	49.100.000	324.990.910	75.880.000	-	-	449.970.910
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	16.963.457.872	-	-	-	-	-	16.963.457.872
Phân loại lại (*)	-	(5.299.195.030)	(636.604.871)	(5.587.488.718)	-	(4.602.215.000)	(16.125.503.619)
Tại ngày 31/12/2013	737.423.602.480	108.622.692.961	377.762.806.033	8.299.917.097	3.850.699.617	8.137.116.763	1.244.096.834.951
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2013	174.906.437.505	39.043.355.657	86.974.221.912	10.330.447.427	1.330.489.820	7.484.743.318	320.069.695.639
Khấu hao trong năm	88.906.545.235	16.088.954.530	32.979.281.948	1.446.638.165	1.155.096.017	2.449.259.753	143.025.775.648
Phân loại lại (*)	-	(2.636.602.561)	(435.837.815)	(4.701.281.296)	-	(3.180.197.159)	(10.953.918.831)
Tại ngày 31/12/2013	263.812.982.740	52.495.707.626	119.517.666.045	7.075.804.296	2.485.585.837	6.753.805.912	452.141.552.456
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 31/12/2013	473.610.619.740	56.126.985.335	258.245.139.988	1.224.112.801	1.365.113.780	1.383.310.851	791.955.282.495
Tại ngày 31/12/2012	545.553.707.103	74.829.432.334	291.100.198.082	3.481.078.388	2.520.209.797	5.254.588.445	922.739.214.149

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 20.676.761.074 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 7.411.891.129 đồng).

(*) Phân loại lại thể hiện các tài sản không còn thỏa điều kiện ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo Thông tư 45. Giá trị còn lại của những tài sản này được kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong ba năm kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Phần mềm hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013 và ngày 31/12/2013	12.104.018.935	23.165.754.210	35.269.773.145
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	7.856.663.291	10.166.339.231	18.023.002.522
Khấu hao trong năm	3.831.969.760	7.721.918.064	11.553.887.824
Tại ngày 31/12/2013	11.688.633.051	17.888.257.295	29.576.890.346
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	415.385.884	5.277.496.915	5.692.882.799
Tại ngày 31/12/2012	4.247.355.644	12.999.414.979	17.246.770.623

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 10.544.802.150 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 608.109.650 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2013 VND	2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	24.044.565.109	75.433.977.758
Tăng trong năm	1.862.212.280	29.212.724.262
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(16.963.457.872)	(73.952.190.258)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	-	(6.523.118.455)
Kết chuyển sang chi phí khác	(5.252.040.742)	(126.828.198)
Tại ngày 31 tháng 12	3.691.278.775	24.044.565.109

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền thuê đất	132.506.959.411	135.588.516.607
Công cụ dụng cụ	3.844.519.402	-
Khác	4.569.068.099	3.397.511.206
	140.920.546.912	138.986.027.813

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm nay và các kỳ kế toán trước:

	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Các khoản lỗ tính thuế VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2012	-	-	-
Ghi nhận vào lãi trong năm	351.294.804	-	351.294.804
Tại ngày 31/12/2012	351.294.804	-	351.294.804
Ghi nhận vào (lỗ)/ lãi trong năm	(274.568.421)	8.200.433.699	7.925.865.278
Tại ngày 31/12/2013	76.726.383	8.200.433.699	8.277.160.082

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 183.860.577.202 đồng (năm 2012: 0 đồng) có thể được dùng để khấu trừ các khoản lợi nhuận trong tương lai. Trong đó:

- Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế 82.004.336.994 đồng với mức thuế suất 10% (xem Thuyết minh số 27) vì Công ty tin tưởng khả năng có lợi nhuận trong tương lai để có thể khấu trừ cho khoản lỗ này. Khoản lợi nhuận dự kiến phát sinh từ dự án xây dựng giàn Tam Đảo 05 và nâng cấp giàn Tam Đảo 02 đã ký kết với Vietsovpetro vào ngày 29 tháng 11 năm 2013.

- Công ty không ghi nhận thuế hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế còn lại là 101.856.240.208 đồng vì không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kết chuyển trong thời gian năm năm kể từ năm sau năm phát sinh lỗ. Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ hết hạn vào năm 2018.

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Đây là khoản ứng trước từ Vietsovpetro cho dự án xây dựng giàn Tam Đảo 05 và nâng cấp giàn Tam Đảo 02 sẽ được thực hiện trong năm 2014.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.147.917.064
Thuế thu nhập cá nhân	301.270.523	613.189.004
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.478.647.588
Thuế khác	80.671.604	52.792.734
	381.942.127	8.292.546.390

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (Tiếp theo)**

Tình hình tăng giảm các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 01/01/2013 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.147.917.064	11.024.714.385	12.172.631.449	-
Thuế nhập khẩu	-	274.557.681	274.557.681	-
Thuế thu nhập cá nhân	613.189.004	4.471.151.487	4.783.069.968	301.270.523
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.478.647.588	10.662.149.275	17.140.796.863	-
Các loại thuế khác	52.792.734	1.631.893.886	1.604.015.016	80.671.604
Tổng	8.292.546.390	28.064.466.714	35.975.070.977	381.942.127

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí lãi vay	23.061.800.756	66.567.002.520
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản (gói thầu XL2 và EPC3)	7.018.078.517	8.105.434.254
Chi phí khác	2.179.569.951	3.147.746.982
	32.259.449.224	77.820.183.756

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả cổ tức	21.846.129.500	14.033.444.684
Kinh phí công đoàn	512.473.022	511.619.544
Phải trả khác	4.511.595.838	1.360.633.777
	26.870.198.360	15.905.698.005

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFC") nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam (gọi tắt là "PVcomBank") gồm 2 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 11/2011/HDTDUT/TCDK-CNVT.TD ngày 17 tháng 5 năm 2011 với số tiền 641.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Khoản vay này được giải ngân 3 lần với mức lãi suất 4,9%/năm, 14,1%/năm, 12,1%/năm và là khoản vay tín chấp. Thời hạn vay ban đầu là 12 tháng từ ngày 24 tháng 5 năm 2011 đến ngày 24 tháng 5 năm 2012 và gia hạn đến ngày 24 tháng 11 năm 2014 theo Phụ lục số 01/11/2011/HDTDUT/TCDK-CNVT.TD. Khoản vay này đã được giải ngân hết trong năm 2011.

- Hợp đồng tín dụng số 07/HDTDUT/TCDK-CNVT.TD ngày 18 tháng 3 năm 2011 với số tiền tối đa là 250.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Lãi suất vay bằng lãi suất huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PVFC tại thời điểm xác định lãi suất cộng 5%/năm đối với khoản vay giải ngân trước ngày 06 tháng 10 năm 2011 và 14,2%/năm đối với khoản vay giải ngân sau ngày 06 tháng 10 năm 2011. Khoản vay này là khoản vay tín chấp. Thời hạn vay là thời hạn từ khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển vốn ủy thác cho PVFC đến ngày 06 tháng 4 năm 2012. Trong năm 2011, Công ty đã giải ngân 153.197.270.000 đồng và trong năm 2012 đã giải ngân 30.363.179.097 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Ngày 09 tháng 5 năm 2013, Công ty và PVFC đã ký hai phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/07/HDTDUT/TCDK-CNV.TD và số 02/11/2011/HDTDUT/TCDK-CNV.TD cho hai hợp đồng tín dụng. Theo đó, hai khoản vay được cơ cấu lại và gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Hai khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Khoản vay chịu lãi suất bằng 100% lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng phí ủy thác (0,15%/năm).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	164.912.000.000	-
Trong năm thứ hai	164.912.000.000	164.912.089.819
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	494.736.449.097	494.736.269.458
Sau năm năm	-	164.912.089.819
	<u>824.560.449.097</u>	<u>824.560.449.097</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày tại chỉ tiêu Vay và nợ ngắn hạn)	(164.912.000.000)	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u><u>659.648.449.097</u></u>	<u><u>824.560.449.097</u></u>

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Vốn khác của chủ sở hữu	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	594.897.870.000	765.604.327	67.309.081.057	662.972.555.384
Lợi nhuận trong năm	-	-	22.470.614.465	22.470.614.465
Chia cổ tức	-	-	(41.642.850.900)	(41.642.850.900)
Trích quỹ	-	-	(4.274.939.984)	(4.274.939.984)
Tăng khác	-	1.832.117.136	-	1.832.117.136
Số dư tại ngày 31/12/2012	<u>594.897.870.000</u>	<u>2.597.721.463</u>	<u>43.861.904.638</u>	<u>641.357.496.101</u>
Lỗ trong năm	-	-	(209.135.193.633)	(209.135.193.633)
Chia cổ tức	-	-	(29.744.893.500)	(29.744.893.500)
Trích quỹ	-	-	(898.824.578)	(898.824.578)
Số dư tại ngày 31/12/2013	<u><u>594.897.870.000</u></u>	<u><u>2.597.721.463</u></u>	<u><u>(195.917.007.073)</u></u>	<u><u>401.578.584.390</u></u>

Theo Nghị quyết số 026/13/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2013 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013, các cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2012 là 5% vốn điều lệ và thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 898.824.578 đồng.

Ngoài ra, cũng theo Nghị quyết này, Đại Hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ từ 594.897.870.000 đồng lên 892.346.800.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này Công ty vẫn chưa tiến hành các thủ tục để tăng vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Cổ phần**

	31/12/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	<u>59.489.787</u>	<u>59.489.787</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ đông và vốn cổ phần tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013 và 31/12/2012		
	%	Số cổ phần	Vốn đã góp (VND)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	28,75	17.105.643	171.056.430.000
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	7,53	4.479.257	44.792.570.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4,03	2.400.000	24.000.000.000
Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Việt-Xô	3,63	2.161.300	21.613.000.000
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	4,03	2.400.000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần LILAMA 18	3,03	1.800.000	18.000.000.000
Các cổ đông khác	49,00	29.143.587	291.435.870.000
	<u>100</u>	<u>59.489.787</u>	<u>594.897.870.000</u>

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên. Trong năm hoạt động, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

21. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2013 VND	2012 VND
Hợp đồng xây dựng	33.280.628.934	710.562.636.758
Hợp đồng sửa chữa khác	223.085.211.287	94.098.645.531
Dịch vụ khác	9.268.145.874	28.716.459.471
	<u>265.633.986.095</u>	<u>833.377.741.760</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hợp đồng xây dựng	42.731.320.582	626.131.632.586
Hợp đồng sửa chữa khác	204.396.874.631	41.727.559.161
Dịch vụ khác	5.434.048.771	4.516.434.409
	<u>252.562.243.984</u>	<u>672.375.626.156</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.395.088.010	296.384.557.557
Chi phí nhân công	98.695.762.649	136.542.627.184
Chi phí khấu hao tài sản cố định	145.702.649.391	148.070.296.109
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.672.069.477	117.704.660.364
Chi phí khác	7.761.609.101	8.577.255.760
	<u>405.227.178.628</u>	<u>707.279.396.974</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	12.637.992.987	9.202.543.131
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.096.861.322	1.413.256.008
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.174.223.336	-
	<u>17.909.077.645</u>	<u>10.615.799.139</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	75.468.583.598	96.095.127.190
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.711.934.042	15.697.221.771
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.286.282.849
	<u>79.180.517.640</u>	<u>115.078.631.810</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. (LỖ)/ LỢI NHUẬN KHÁC**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập khác	1.783.580.202	7.899.420.919
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	5.252.040.742	-
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.923.125.067	-
Chi phí nhân công	32.370.061.774	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.879.463.802	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.593.282.740	-
Chi phí khác	2.638.071.982	209.830.365
	<u>128.656.046.107</u>	<u>209.830.365</u>
(Lỗ)/lợi nhuận khác	<u>(126.872.465.905)</u>	<u>7.689.590.554</u>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
(Lỗ)/ lợi nhuận trước thuế	(206.398.909.636)	29.330.190.400
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	25.514.620.920	3.838.527.305
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.976.288.486)	-
(Lỗ)/ thu nhập chịu thuế	<u>(183.860.577.202)</u>	<u>33.168.717.705</u>
(Lỗ)/ thu nhập chịu thuế suất 10%	(82.004.336.994)	7.208.724.582
(Lỗ)/ thu nhập chịu thuế suất 25%	(101.856.240.208)	25.959.993.123
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	7.210.870.739
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung từ năm 2008 đến năm 2012	10.662.149.275	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>10.662.149.275</u>	<u>7.210.870.739</u>

Theo Công văn số 6031/CT-TTHT do Cục thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký ngày 17 tháng 10 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo các mức thuế suất như sau:

- Đối với các hoạt động đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế trong mười năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và theo thuế suất 25% cho các năm sau đó. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo.

- Đối với hoạt động thi công công trình thủy, sản xuất các loại vật liệu, sản xuất thiết bị cơ khí và điện tử phục vụ công tác chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và tàu thủy, chế tạo thiết bị và kết cấu thép cho các công trình hạ tầng và công nghiệp, nạo vét luồng lạch và san lấp tạo bãi, tạo mặt bằng xây dựng, cung cấp dịch vụ xây dựng cho công trình dầu khí, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất 25% theo quy định hiện hành. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong hai năm tiếp theo.

- Đối với các hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
(Lỗ)/ lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(209.135.193.633)	22.470.614.465
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	<u>59.489.787</u>	<u>59.489.787</u>
(Lỗ)/ lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(3.515)</u>	<u>378</u>

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ và (lỗ lũy kế)/lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	824.560.449.097	824.560.449.097
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	766.437.653.703	236.580.775.891
Nợ thuần	58.122.795.394	587.979.673.206
Vốn chủ sở hữu	<u>401.578.584.390</u>	<u>641.357.496.101</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,14</u>	<u>0,92</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	766.437.653.703	236.580.775.891
Phải thu khách hàng và phải thu khác	121.010.798.824	311.110.137.609
Ký quỹ	2.646.168.490	-
Tổng cộng	890.094.621.017	547.690.913.500
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	109.824.210.616	90.414.580.703
Các khoản vay	1.137.110.119.752	1.566.664.853.284
Chi phí phải trả	32.259.449.224	77.820.183.756
Tổng cộng	1.279.193.779.592	1.734.899.617.743

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa thể đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	131.001.541.592	308.535.006.377	2.060.632.841	54.076.402.307
Đô la Singapore (SGD)	-	-	-	227.692.146
Bảng Anh (GPB)	-	-	-	268.740.099
Đồng Euro (EUR)	213.145.724	-	45.979.180.390	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ***

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 2%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các mục bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại cuối năm. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì (lỗ)/lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ thay đổi các khoản tương ứng như sau:

	2013		2012	
	VND		VND	
	Tăng 2%	Giảm 2%	Tăng 2%	Giảm 2%
Đô la Mỹ (USD)	2.578.818.175	(2.578.818.175)	5.089.172.081	(5.089.172.081)
Đô la Singapore (SGD)	-	-	(4.553.843)	4.553.843
Bảng Anh (GPB)	-	-	(5.374.802)	5.374.802
Đồng Euro (EUR)	(915.320.693)	915.320.693	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác có liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	766.437.653.703	-	766.437.653.703
Phải thu khách hàng và phải thu khác	121.010.798.824	-	121.010.798.824
Ký quỹ	2.646.168.490	-	2.646.168.490
Tổng cộng	890.094.621.017	-	890.094.621.017
Phải trả người bán và phải trả khác	109.824.210.616	-	109.824.210.616
Các khoản vay và lãi	179.795.308.000	957.314.811.752	1.137.110.119.752
Chi phí phải trả	32.259.449.224	-	32.259.449.224
Tổng cộng	321.878.967.840	957.314.811.752	1.279.193.779.592
Chênh lệch thanh khoản thuần	568.215.653.177	(957.314.811.752)	(389.099.158.575)
31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	236.580.775.891	-	236.580.775.891
Phải thu khách hàng và phải thu khác	311.110.137.609	-	311.110.137.609
Tổng cộng	547.690.913.500	-	547.690.913.500
Phải trả người bán và phải trả khác	90.414.580.703	-	90.414.580.703
Các khoản vay và lãi	-	1.566.664.853.284	1.566.664.853.284
Chi phí phải trả	77.820.183.756	-	77.820.183.756
Tổng cộng	168.234.764.459	1.566.664.853.284	1.734.899.617.743
Chênh lệch thanh khoản thuần	379.456.149.041	(1.566.664.853.284)	(1.187.208.704.243)

Do khoản nợ tài chính lớn nhất chủ yếu là từ các khoản vay dài hạn từ Tập đoàn dầu khí Việt Nam ủy thác qua Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam) với thời hạn trả nợ dài hạn đến năm 2018 và được hoàn trả trên cơ sở dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong các năm sau nên Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản thuần ở mức độ thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thăng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CAM KẾT KHÁC**

Ngày 29 tháng 11 năm 2013, Công ty và Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro đã ký kết Hợp đồng chế tạo giàn khoan dầu khí tự nâng, theo đó Công ty sẽ là tổng thầu thực hiện dự án đóng mới giàn Tam Đảo 05 với giá trị hợp đồng trên 200 triệu Đô la Mỹ và thời gian thi công là 32 tháng kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng.

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị:

	2013 VND	2012 VND
Lương và thưởng	<u>3.126.843.982</u>	<u>3.512.638.155</u>
Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:		
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Số dư các khoản phải trả cổ tức		
Tập đoàn Công Nghiệp tàu thủy Việt Nam	2.239.628.500	-
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt-Xô	<u>1.080.650.000</u>	<u>-</u>



Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu



Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng





Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 03 tháng 3 năm 2014

